CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

**HỢP ĐỒNG THI CÔNG**

*Số: 2512 /2020/HĐTC/GX-LPL*

* *Căn cứ vào luật Thương Mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/06/2005;*
* *Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2001;*
* *Căn cứ luật xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc Hội, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26/11/2003 và các văn bản hướng dẫn liên quan;*
* *Căn cứ thông tư số 02/2005/TT-BXD ngày 25/02/2005 của Bộ xây dựng hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng.*
* *Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.*

Hôm nay, ngày 27 tháng 04 năm 2021, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**BÊN A (Chủ đầu tư): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT XÂY DỰNG TRANG TRÍ NỘI THẤT GÓC XINH**

Đại Diện : Bà **NGUYỄN THỊ TUYẾT HƯỜNG** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

Địa chỉ : 114/15/1 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 37172378 Fax: 028 37172379

MST : 0314876052

Số TK : 060172044241 tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín – Sacombank – PGD Phan Huy Ích.

**BÊN B (Nhà Thầu ): CÔNG TY TNHH LÂM PHÁT LỘC**

Đại diện : Ông **NGUYỄN THÀNH CÔNG** Chức Vụ : GIÁM ĐỐC

Điện thoại : 0932680776

Địa chỉ : 245/2 Nguyễn Thị Nhỏ, phường 16, quận 11, Tphcm

MST : 0315313415

Số TK : 060195492949 SACOMBANK, PGD HỒNG BÀNG, CN \_HOA VIỆT, TP.HCM

***Hai bên thống nhất thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế về việc: Bên B cung cấp, thi công lắp đặt đồ nội thất tại địa chỉ: 54E Nguyễn Bỉnh Khiêm, P. Đa Kao, q. 1, Tp. HCM với những nội dung và điều khoản như sau:***

**ĐIỀU I: NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

* 1. Tổng giá trị hợp đồng là **: 287.240.000 vnđ** *(Bằng chữ:Hai trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng.)*
* ***Nội dung hợp đồng:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT (No.)** | **Mô tả công việc (Descriptions)** | **Material (Vật liệu)** | **ĐVT  (Unit)** | **Số lượng dự toán (Estimated Quantity)** | **Vật Tư** | | **Chủng loại xuất xứ vật tư /Ghi chú khác** |
| **Đơn giá  (Price ) (VND)** | **Thành tiền (Amount) (VND)** |
| **A** | **HẠNG MỤC FURNITURE** |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **CỬA** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Cửa gỗ kt : (120\*700\*2100) | Khung bao gỗ thông, cánh cửa mdf veneer sồi | bộ | 1 | 5,600,000 | 5,600,000 | không bao gồm ổ khóa |
| 2 | Cửa phòng vip kt : (120\*1200\*2150) | Khung bao gỗ thông, cánh cửa mdf veneer sồi | bộ | 1 | 8,200,000 | 8,200,000 | không bao gồm ổ khóa |
| 3 | Cửa kính phòng lạnh kt : (120\*800\*2150) | kính cường lực, khung cửa gỗ thông | bộ | 1 | 6,300,000 | 6,300,000 | không bao gồm ổ khóa |
| 4 | Cửa kính bên trần gỗ kt : (120\*700\*2150) | kính cường lực, khung cửa gỗ thông | bộ | 1 | 6,200,000 | 6,200,000 | không bao gồm ổ khóa |
| 5 | Ốp gỗ cửa cổng | Gỗ tự nhiên | m2 | 9 | 1,100,000 | 9,900,000 |  |
| 6 | Ốp vách cửa cổng | Gỗ tự nhiên | m2 | 9 | 1,250,000 | 11,250,000 |  |
| 7 | Ốp gỗ khung cưả kt: ( 750\*2280) | Gỗ tự nhiên | bộ | 4 | 4,500,000 | 18,000,000 |  |
| 8 | Bàn tròn kt: (800\*800\*650) | chân gỗ inox mạ vàng đồng, mặt đá grannite | cái | 2 | 5,500,000 | 11,000,000 |  |
| 9 | Bàn vuông trong quầy bar kt: (800\*800\*650) | Gỗ ghép sơn màu đen | cái | 2 | 5,700,000 | 11,400,000 |  |
| 10 | Bàn vuông bên ngoài kt: (800\*800\*750) | Gỗ ghép sơn màu theo mẫu | Cái | 12 | 3,930,000 | 47,160,000 |  |
| 11 | Ốp trần gỗ cnc 3d | Nền mdf cnc veneer sồi | m2 | 64 | 1,800,000 | 115,200,000 |  |
| 12 | Bàn ghế hút thuốc ngoài trời kt: (500\*400\*4000) | gỗ tư nhiên theo mẫu | cái | 1 | 8,230,000 | 8,230,000 | k bao gồm nệm |
| 13 | Ốp gỗ và sơn khnug sắt quầy bar kt: (400\*1200\*12000) | MDF veneer sồi | md | 12 | 2,400,000 | 28,800,000 |  |
| **I** | **TỔNG CỘNG** | | | | | **287.240.000** |  |

*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng.*

Đơn giá trên chưa bao gồm VAT 10% và chi phí lắp đặt, vận chuyển, bốc xếp.

**1.2** Kích thước ghi trên bản vẽ của sản phẩm là kích thước tạm tính ban đầu, kích thước cụ thể sẽ được tính theo thực tế thi công tại hiện trường)

**1.3** Sản phẩm:

Bàn ghế và phụ kiện có quy cách, số lượng chi tiết trong bảng tính giá trị hợp đồng kèm theo

**ĐIỀU II: CHẤT LƯỢNG VÀ QUY CÁCH HÀNG HOÁ**

**2.1** Tất cả các sản phẩm tuân thủ theo bản vẽ thiết kế về mặt hình thức, kiểu dáng. Bản vẽ thiết kế được đính kèm theo hợp đồng có xác nhận của hai bên. Trong đó bên A chịu trách nhiệm về hình thức, kiểu dáng. Bên B chịu trách nhiệm về kích thước, thông số kỹ thuật.

**2.2** Hàng hóa thành phẩm : là hàng mới 100% được lắp đặt hoàn chỉnh tại công trình, Hàng giao tới công trình là sản phẩm đạt yêu cầu, đúng mẫu đã duyệt, đúng kích thước, không bị lỗi.

**2.3** Thời hạn bảo hành:

- Hàng hóa và phụ kiện bảo hành 1 năm.

- Thời điểm bảo hành: bắt đầu từ ngày nghiệm thu.

**2.4** Trong thời gian bảo hành nếu xảy ra hỏng hóc do lỗi thi công bên B phải sửa chữa khắc phục và chịu mọi chi phí. Và bên B phải có mặt tại công trình sớm nhất có thể nhưng không muộn quá 48h kể từ khi nhận thông báo của bên A.

**2.5** Phạm vi không bảo hành sản phẩm: Lỗi hỏng hóc do trường hợp bất khả kháng như: hỏa hoạn, thiên tai. Tự ý tháo dỡ niêm phong nhà sản xuất (nếu có) thì bên A phải thanh toán toàn bộ chi phí sửa chữa và vật tư, phụ kiện (nếu có).

**ĐIỀU III: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN - LẮP ĐẶT – BÀN GIAO**

**3.1** Thời gian thi công và bàn giao nghiệm thu hoàn chỉnh 15 ngày kể từ ngày hai bên ký hợp đồng, Bên B nhận được tiền đặt cọc hợp đồng.

Thời gian thi công không bao gồm các ngày Ban Quản Lý không cho phép thi công và thời tiết không cho phép như mưa gió lớn khi phải làm ngoài trời.

**3.2** Trước khi lắp hàng, bên B sẽ có thông báo trước cho bên A và bên A phải sẵn sàng bàn giao toàn bộ mặt bằng lắp đặt cho bên B. Khi bên B chuyển hàng đến công trình để lắp đặt.

**3.3 Nghiệm thu và bàn giao**

Điều kiện để nghiệm thu và bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng:

* Hàng hóa chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng.
* Việc nghiệm thu, bàn giao hàng hóa phải tuân thủ và chịu sự kiểm soát của Bên A và được Bên A nghiệm thu bàn giao.
* Khối lượng chi tiết thi công phải có chữ ký xác nhận của kỹ sư giám sát thi công, Giám sát công trường, Chỉ huy trưởng công trình và Giám đốc dự án ký duyệt.

**ĐIỀU IV: PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN**

**4.1 Phương thức thanh toán.**

- Bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức: Chuyển khoản

**4.2 Thời hạn tạm ứng, thanh toán**

*4.2.1 Tạm ứng****:***

- Tạm ứng lần 1: Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 50% giá trị hợp đồng tương đương số tiền: **143.620.000vnđ** ***(****Bằng chữ :Một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).* Việc tạm ứng được thực hiện ngay sau khi ký hợp đồng, bên A nhận được hồ sơ theo điều 4.4.

- Tạm ứng lần 2: Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 30% giá trị hợp đồng tương đương số tiền: **86.172.000vnđ *(****Bằng chữ :Tám mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn đồng).* Việc tạm ứng được thực hiện ngay sau khi bên B tập kết 100 % hàng tại công trình, được BCH công trình kiểm tra ký xác nhận hàng đạt chất lượng, đúng mẫu theo yêu cầu và lắp đặt đạt 50% khối lượng.

*4.2.2 Thanh toán hợp đồng :*

***-***Bên A thanh toán cho bên B 20% giá trị quyết toán còn lại là: **57.448.000vnđ (***Bằng chữ:Năm mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng).* (không bao gồm phát sinh thêm hạng mục), sau khi thi công hoàn thiện tất cả các hạng mục và được BCH ký xác nhận khối lượng đạt yêu cầu, việc thanh toán sẽ thực hiện trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao, bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán theo điều 4.4.

- Khi bên B hoàn thiện xong và thông báo cho bên A thì chậm nhất sau 3 ngày bên A phải có mặt để tiến hành kiểm tra và nghiệm thu công trình.

* Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì phát sinh bên B có trách nhiệm làm thủ tục bổ sung khối lượng phát sinh để làm phụ lục hợp đồng và có xác nhận của bên A.

4.3 Điều kiện thanh toán

- Bên A sẽ từ chối thanh toán cho Bên B đối với hồ sơ thanh toán không kèm theo đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng hợp lệ, hoặc khối lượng thi công không đảm bảo yêu cầu chất lượng, kỹ thuật và mỹ thuật cho đến khi Bên B hoàn tất việc sửa chữa sai sót và được nghiệm thu.

4.4 Hồ sơ thanh toán các đợt

Đợt 1:

* Thư đề nghị thanh toán;

Đợt 2,3:

* Thư đề nghị thanh toán;
* Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành; ( có đầy đủ chữ ký xác nhận 2 bên)
* Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao;( có đầy đủ chữ ký xác nhận 2 bên)

Bên A sẽ không bảo đảm thời hạn thanh toán như trên và cũng không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ sự chậm trễ nào trong trường hợp sau:

+ Thời hạn thanh toán bị chậm trễ phát sinh từ hồ sơ yêu cầu thanh toán chậm trễ hoặc không đầy đủ của Bên B, không đúng quy trình thanh toán do Bên A ban hành.

+ Bên B không cung cấp đủ số lượng nhân công và vật tư như thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng.

Bên A có quyền trừ lại tiền phần Quyết toán để đền bù vào bất cứ khoản chi phí, phạt, bồi thường thiệt hại nào (nếu có) phát sinh từ việc vi phạm nghĩa vụ của Bên B theo quy định tại hợp đồng này mà sau thời điểm nghiệm thu Bên B mới phát hiện ra. Tuy nhiên, việc giữ lại khoản tiền này vẫn không miễn trừ cho Bên B mọi trách nhiệm liên quan đến hành vi vi phạm của mình .

**ĐIỀU V: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

**5.1 Trách nhiệm của bên A:**

5.1.1 Bàn giao mặt bằng công trình, có trách nhiệm giải phóng mặt bằng đủ điều kiện cho bên B thi công.

5.1.2 Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho bên B trong quá trình bên B lắp đặt tại công trình.

5.1.3 Bên A có trách nhiệm cử cán bộ giám sát trong quá trình bên B thi công để theo dõi chất lượng và có trách nhiệm xác nhận công tác phát sinh để làm cơ sở cho việc nghiệm thu và thanh toán.

5.1.4 Thanh toán tiền cho bên B theo đúng như điều IV của hợp đồng.

5.1.5 Phối hợp với bên B bảo quản tài sản, sản phẩm mà bên B mang tới thi công lắp đặt..

**5.2 Trách nhiệm của bên B:**

5.2.1 Bên B có trách nhiệm về các tiêu chuẩn chất lượng, kiểm định.

5.2.2 Đảm bảo đầy đủ vật tư, máy móc thiết bị thi công, danh sách công nhân.

5.2.3 Thi công đúng tiến độ, chấp hành nội quy công trường do bên A quy định.

5.2.4 Cung cấp đúng chủng loại hàng hóa đã cam kết tại Điều 1 và Điều 2 của Hợp đồng này. Nếu hàng không đảm bảo chất lượng cũng như chủng loại, bên A có quyền không nhận hàng và không chịu bất cứ chi phí nào liên quan.

5.2.5 Bên B phải liên kết với ban chỉ huy đo thực tế tại công trình kết hợp mẫu có bên Nguyễn Khánh Toàn và hình ảnh đã cung cấp.

5.2.6 Thông báo cho bên A thời gian bắt đầu tiến hành lắp đặt và thời gian tiến hành nghiệm thu.

5.2.7 Chịu trách nhiệm về an toàn lao động trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ và lắp đặt hàng hoá.

5.2.8 Cử cán bộ kỹ thuật theo dõi thi công theo yêu cầu của bên A.

5.2.9 Tiếp nhận bảo quản các tài liệu, vật tư kỹ thuật được bên A bàn giao.

5.2.10 Yêu cầu toàn bộ tổ đội mặc áo đồng phục của Góc Xinh

- Vi phạm lần 1: phát hiện lập biên bản phạt 300.000 VNĐ/người

- Vi phạm lần 2: phát hiện lập biên bản phạt 500.000 VNĐ/người

Khi kết thúc công trình hoàn trả cho Bên A toàn bộ đồng phục đã được cấp. Trong trường hợp Bên B không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ, Bên B có nghĩa vụ bồi thường chi phí đồng phục theo Bảng giá của Bên A, với giá 100.000 VNĐ/áo.

5.2.11 Trong quá trình thi công và bàn giao công trình Bên B không có trách nhiệm làm việc với bên thứ ba.

5.2.12 Bên B có trách nhiệm nghiệm thu bàn giao với Bên A ngay sau khi hoàn thiện công trình để hai bên làm căn cứ thanh quyết toán.

**ĐIỀU VI: TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT TRONG VIỆC THỰC HIỆN   
HỢP ĐỒNG**

6.1Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã thoả thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ Hợp đồng. Bên nào không thực hiện thì bị phạt tương ứng với số tiền mà bên A đặt cọc (trừ trường hợp bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, động đất, ...), cụ thể như sau:

6.1.1 Bên A mất số tiền đã đặt cọc cho bên B nếu bên A vi phạm.

6.1.2 Nếu bên A không thực hiện được các điều khoản thanh toán khi đến hạn, bên B có quyền tính lãi cho khoản nợ mà bên A chưa thanh toán theo lãi suất được ấn định của Ngân hàng Nhà Nước và bên B có quyền tạm dừng thi công lắp đặt.

6.1.3 Bên B sẽ phải hoàn trả số tiền tạm ứng cho bên A và bị phạt số tiền tương ứng với số tiền mà bên A đã đặt cọc nếu bên B không thực hiện hợp đồng.

* + 1. Nếu Bên B thi công không đúng thiết kế và vật liệu mẫu hai bên đã thống nhất, Bên B sẽ phải khắc phục, thay thế theo đúng yêu cầu của Bên A. Mọi khoản chi phí phát sinh cho việc khắc phục, thay thế này đều do Bên B chi trả.
    2. Trong trường hợp bên B hoàn thành công việc chậm trễ, không theo đúng tiến độ đã thỏa thuận tại Hợp đồng này, Bên B có nghĩa vụ phải chịu phạt chậm tiến độ bằng 1%/giá trị hợp đồng quyết toán/mỗi ngày chậm tiến độ cho 03 ngày trễ tiến độ đầu tiên, và mức 2%/giá trị hợp đồng bị vi phạm/mỗi ngày chậm tiến độ cho các ngày trễ tiến độ tiếp theo nhưng tổng giá trị phạt không quá 10% tổng giá trị hợp đồng bị vi phạm và số ngày trễ hạn cũng không được quá 05 ngày. Và tương tự nếu bên A chậm thanh toán.

**ĐIỀU VII: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG**

**7.1** Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng.

**7.2** Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết (cần phải lập biên bản ghi lại toàn bộ nội dung) trên cơ sở tôn trọng quyền lợi hợp pháp của mỗi bên. Trong các trường hợp các bên không tự giải quyết được thì chuyển vụ việc tranh chấp này ra Toà án nhân dân Thành Phố Hà Nội và phán quyết của Toà án nhân dân Thành Phố Hà Nội là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành, án phí do bên có lỗi chịu.

**ĐIỀU VIII: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**8.1** Hợp đồng này có giá trị hiệu lực kể từ ngày bên B nhận đủ tiền đặt cọc theo điều 4.2.1 của hợp đồng này.

**8.2** Hợp đồng có đính kèm báo giá và bản vẽ kỹ thuật chi tiết của sản phẩm.

**8.3** Sau khi hai bên thực hiện đầy đủ các điều khoản được nêu trong Hợp đồng này, các bên không có khiếu nại, hay thắc mắc gì thì Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý và hết hiệu lực

**8.4** Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A**  **NGUYỄN THỊ TUYẾT HƯỜNG** | **ĐẠI DIỆN BÊN B**  **NGUYỄN THÀNH CÔNG** |